

# TÌM HIỂU CẤU TRÚC NGÔN NGỮ PHỦ ĐỊNH THEO DẠNG “CÓ MÀ KHÔNG” TRONG THƠ VĂN NGUYỄN KHUYẾN

○ LÊ THỊ KIM CÚC \*

1. Lí thuyết ngôn ngữ học văn bản chỉ ra rằng: Văn bản không phải là sự lắp ghép một chuỗi câu hay đoạn văn một cách tùy tiện, mà là một thể thống nhất toàn vẹn được xây dựng theo những quy tắc nhất định. Có thể nói, những quy tắc cấu tạo văn bản ấy được củng cố trong hệ thống ngôn ngữ và làm thành cơ sở của các lược đồ hoặc mô hình thuộc các kiểu văn bản khác nhau. Sự sản sinh ra văn bản chính là sự cấu tạo lại các mô hình văn bản thành những tác phẩm cụ thể, tạo nên các kiểu cấu trúc ngôn ngữ của các tác phẩm cụ thể.

Trong thực tế văn học xuất hiện rất nhiều kiểu cấu trúc ngôn ngữ khác nhau, phong phú, đa dạng, nhất là đối với một loại hình nghệ thuật có cách tổ chức ngôn ngữ đặc biệt như thơ. Theo tác giả cuốn *Bình giải thơ từ góc độ cấu trúc ngôn ngữ*, có các kiểu cấu trúc ngôn ngữ như: Kiểu sự việc, cảnh vật và tình ý được thể hiện đồng thời; kiểu sự việc và tình ý được thể hiện theo tuyến thời gian. Trong từng kiểu cấu trúc, lại có nhiều kiểu cấu trúc nhỏ hơn (tiểu cấu trúc). Bài viết tìm hiểu cấu trúc ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ văn Nguyễn Khuyến ở dạng cấu trúc phủ định “có mà không” - một tiểu cấu trúc thuộc «Kiểu sự việc, cảnh vật và tình ý được thể hiện đồng thời» - góp một cách nhìn về thơ văn Nguyễn Khuyến - tác giả tiêu biểu được giảng dạy ở các cấp học.

2. Anh khoá Thống hăm hở bước chân vào hoạn lộ, quyết giành cho mình ngôi vị cao nhất chốn trường ốc. Sau gần ba mươi năm đèn sách, chín khoá lều chông, Nguyễn Thống lúc này đã đổi thành Nguyễn Khuyến để đầu ba ki thì, được vua Tự Đức ban cờ hiệu và hai chữ Tam nguyên, tài năng lừng lẫy một thời. Số người đỗ đạt cao thời đó mà tên tuổi còn lưu đến hậu thế như Nguyễn Khuyến không nhiều, bởi ông thể hiện được tài năng xuất sắc của mình ở cả hai phương diện: tài học và thơ văn. Ông đã trở thành đại diện khá tiêu biểu cho lớp người được xã hội phong kiến đào tạo. Nho gia phong kiến luôn ý thức về sứ mệnh cao cả của mình; Nguyễn Khuyến lại là một đại nho mang khát vọng lớn lao là được mang tài

năng phục vụ triều đại, phục vụ nhân dân, đất nước. Ông nêu cao lí tưởng «*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*», lí tưởng «*trì quân trạch dân*». Đó là ý thức tham gia hoạt động chính trị xã hội, tham gia các hoạt động cai trị, hướng đạo, dẫn dắt nhân dân để mang lại cái mà họ coi là ân huệ cho dân. Lí tưởng này đã xuất hiện rất rõ trong kinh điển của nhà nho, thuộc nội dung của tinh thần tự nhiệm Nho giáo. Bất kì công danh sự nghiệp nào họ cũng đặt trong khuôn khổ đạo trung hiếu. Nguyễn Khuyến từng viết: *Ơn vua chưa chút báo đền/Cúi trông thẹn đất, ngựa lên thẹn trời*.

Đây là cái “CO” lớn nhất của một nhà nho nơi cửa Khổng sân Trình như Nguyễn Khuyến.

Nhưng, hoà ước Patenotre năm 1884 đã đập tắt cái chí hành đạo sục sôi trong con người ông. Chính lúc Nguyễn Khuyến ra làm quan cũng là lúc thực dân Pháp lần lượt đánh chiếm nước ta, triều đình nhà Nguyễn lần lượt đầu hàng rồi làm tay sai cho giặc. Nguyễn Khuyến cảm thấy rất lúng túng trong việc xử thế. Không ra làm quan cho triều đình là trái lễ tôn quân, nhưng làm quan cho giặc là làm tay sai cho giặc. Ông “đứng đắn” (thoan tuấn) trong tư tưởng. Nguyễn Khuyến đã day dứt, trăn trở trước cuộc đời biến đổi, con người đua nhau trên vòng danh lợi đổi trắng thay đen. Cửa Khổng sân Trình dạy “trung quân ái quốc” nhưng vua bán nước định thân, còn ra gì nữa để mà “trung”, nước vào tay bọn mất xanh mũi lõ, còn đâu nữa để mà “ái”? Còn làm quan thì còn phải thấy cảnh hội Tây lơ lửng để mà “nhục”, còn phải nghĩ đến Đào Tiềm để mà “thẹn”, còn thấy ông phổng đả đứng tra tra, còn thấy ông tiến sĩ giấy vô dụng... Không làm được một Phan Đình Phùng xách kiếm đuổi giặc hay như những anh hùng nghĩa sĩ Cần Vương nơi hòn tên mũi đạn, Nguyễn Khuyến trả áo mũ từ quan về với vườn Bù thân thuộc, về với cái trong sáng của làng quê nghèo. Đây cũng là chủ trương chung của những nhà nho ẩn dật theo quan niệm của

\* Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định

Nho giáo: cái mẫu mực thuộc về quá khứ, cái trong sạch lại chủ yếu ở trong thiên nhiên. Đây cũng là một nỗi đau đớn khôn khuây và xé tâm can nhà thơ trong suốt quãng thời gian còn lại.

Với Nguyễn Khuyến, về ở ẩn có nghĩa là thừa nhận sự bất lực, sự vô trách nhiệm của mình trước thời cuộc, trước vận mệnh của đất nước. Một khác, tiếng là về ở ẩn nhưng «những điều trông thấy» vẫn luôn làm nhà thơ ngày càng thêm «đau đớn lòng». Ông đã thay đổi hẳn cái nhìn về con người và cuộc đời. Cái «CÓ» ở trên đã hoá ra «KHÔNG». Từ đây, theo chúng tôi, cảm hứng sáng tạo của Nguyễn Khuyến trong thơ không chỉ là cảm hứng về thiên nhiên, về cuộc sống nơi thôn dã mà còn là cảm hứng về cái có mà không. Có mà không xuyên suốt trong thơ văn Nguyễn Khuyến tạo thành câu trúc phủ định dạng CÓ MÀ KHÔNG trong từng tác phẩm.

Giờ đây, con người nhà nho với những hành trang có được nơi cửa Khổng sân Trình đều trở nên vô nghĩa trước thời cuộc: Sách vở ích gì cho buổi ấy/Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già («Ngây xuẩn dặn các con»).

Ông quan, bà quan cũng trở thành không có hẳn: Bà quan tên nghề xem bài chài/Thằng bé lom khom ghé hát chèo («Hội Tây»).

Quan chi là vật để trưng bày cho vui mắt: Xứ tôi xuông xinh không gì khéo/Tượng gỗ cần đai tạm góp phần («Đầu xuân kí vãn»).

Những người chết được ông làm câu đối, làm thơ phúng viếng không có hành trạng, công trạng gì đáng kể: Khi ông sống, ông để anh, ông để chị, ông để vợ tôi, nay được sáu tuần thêm tám lễ/Giờ ông chết, ông bỏ cửa, ông bỏ nhà, ông bỏ bà lão, ai ngờ một phút hoá trăm năm.

Cả Dương Khuê, cả bản thân ông, khi nhìn lại, hầu như là người vô hành trạng. Ông tiến sĩ tuy có hình hài: Cũng cờ, cũng biển, cũng cần đai/Cũng gọi ông nghề có kếm ai/Mảnh giầy làm nên thân giáp bóng/Nét son điểm rõ mặt văn khôi/Tâm thân xiêm áo sao mà nhẹ/Cái giá khoa danh thế mới hời/Ghế chèo, lọng xanh ngồi bán chợ, nhưng cũng vô nghĩa: Tượng rằng đồ thật hoá đồ chơi («Tiên sĩ giầy II»).

Danh ngôn nhà nho trở thành câu đùa: Nhà hướng bắc nền cao cửa rộng, chưa ai rết thì mình đã rết, chưa ai bực thì mình đã bực, mới gọi là «liên thiên hạ chi ưu nhi ưu».

Nhìn lại mình, con người vô mặt như không còn bộ mặt: Trăm chén hình tợ ảnh,/Nghìn năm ta là ai? (Để ảnh); Một giấc hoàng lương thôi cũng

mộng,/Nghìn năm bay học, tở là ai? (Bài mộng II).

Ở «Thu vịnh», có hứng thơ mà không làm thơ được. Ở «Thu điếu», có cá mà không câu được. Và có rượu mà không uống được trong «Thu ẩm». Ở «Bàn đến chơi nhà», có tất cả nhưng không đúng lúc, hoá ra không. Ở «Khóc Dương Khuê», có tiền, có rượu, có thơ, có đàn nhưng không bạn, mất bạn cũng hoá ra không...

Có mà không trong thơ Nguyễn Khuyến không chỉ dừng lại ở cảm hứng, ở cấu trúc ngôn ngữ mà đã đạt đến một chiều sâu triết lí. Trong cả ba bài thơ thu, hình ảnh nhân vật trữ tình hiện lên rất rõ trong hai câu kết. Lúc là một ông cụ già «Tựa gối ôm cần lâu chẳng được. Cá đâu đớp động dưới chân bèo» (Thu điếu). Lúc là một nhà nho thanh bạch ngồi uống rượu ngày ngày say: «Rượu tiếng rằng hay, hay chưa mấy - Đê dầm ba chén đã say nhè» (Thu ẩm). Lúc là một thi sĩ cảm hứng dâng lên dào dạt muốn cất bút vịnh thu, nhưng ngập ngừng băn khoăn: «Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,/Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào (Thu vịnh).

Nhà thơ thẹn với ông Đào Tiềm, tức Đào Uyên Minh, một danh sĩ cao khiết đời nhà Tấn bên Trung Quốc, nổi tiếng với bài «Quy khứ lai từ». Ông không vì mấy đấu gạo mà phải khom lưng uốn gối, đã trả ôa mủ tử quan, trở về vui thú điền viên, uống cúc, uống rượu làm thơ. Chữ «thẹn» trong câu thơ là cách nói kín đáo, khiêm nhường của Tam Nguyên Yên Đổ: rất khâm phục Đào Tiềm, cách ứng xử của ông Đào là gương sáng cho nhà thơ noi theo. Có người còn cho rằng, ông thẹn còn vì mình không từ quan sớm hơn. Qua hai câu kết bài «Thu vịnh», Nguyễn Khuyến đã thổ lộ tâm sự của mình, khẳng định nhân cách trong sạch của kẻ sĩ dứt khoát thoát vòng danh lợi, không cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp. Và ông đã nói rõ hơn ở bài «Di chúc»: Để vào mấy chữ trong bia,/Rằng: «Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu.

Văn chương chính thống thời phong kiến quy định giới văn học rất hẹp. Đó là cộng đồng những trí thức Hán học tài hoa, gọi là những bậc «hào nhân mặc khách». Thời ấy, độc giả của Nguyễn Khuyến chỉ có thể là Dương Lâm hay Dương Khuê. Cho nên, khi Dương Khuê mất, Nguyễn Khuyến cũng không còn muốn sáng tác: Thơ muốn viết, đến đó chẳng viết,/Viết đưa ai, ai biết mà đưa? («Khóc Dương Khuê»).

Cấu trúc ngôn ngữ dạng có mà không ở đây không chỉ góp phần biểu lộ nỗi đau mất bạn của Nguyễn Khuyến mà còn góp phần khẳng định

(Xem tiếp trang 62)

linh hoạt, mềm dẻo khi thực hiện chương trình ở các địa phương khác nhau, chú trọng nền tảng kiến thức cơ bản, kĩ năng đọc và tính toán cơ bản, tăng cường năng lực giáo viên song song với phát triển tài liệu hỗ trợ DH, hỗ trợ quản lí; 5) Quy trình xây dựng CTGD phổ thông hợp lí và chặt chẽ. Trong quá trình phát triển chương trình có chú ý đến sự tham gia của xã hội (nhưng giới hạn về phạm vi và thời gian) nhằm hạn chế những «tác động nhiễu» của du luận xã hội; 6) Hệ thống môn học ở trường phổ thông đa dạng, đảm bảo GD toàn diện nhưng được phân chia hợp lí theo từng giai đoạn học tập, không trải đều/cào bằng tất cả các môn. Ở các lớp trung học: môn chính, môn bắt buộc, được phân hóa sâu bằng tự chọn, thể hiện sự tập trung (có giới hạn) ở một số môn học; không gây áp lực cho người học.; 7) Định hướng về phương pháp dạy học và đánh giá được thể hiện rõ trong mục tiêu GD và quan điểm xây dựng chương trình các môn học (dạy HS cách học, cách tư duy sáng tạo, ý thức vận dụng những điều đã học vào thực tiễn) thông qua tổ chức đánh giá theo quy mô quốc gia (được duy trì ở cuối mỗi cấp học) và tập trung đánh giá ở các môn học chính: ngôn ngữ quốc gia, tiếng Anh, Toán, Khoa học...□

#### Tài liệu tham khảo

1. Chương trình giáo dục phổ thông Malaysia. Malaysia, 2009.
2. <http://educationmalaysia.org.my>; Education in Malaysia/ [www.edu.gov.my](http://www.edu.gov.my)
3. Quality School Curriculum for world class education. Malaysia, 2009.
4. Developments in the pedagogy of international language. Institut perguruan bahasa antarabangsa Kuala Lumpur, 2008.
5. Mô hình trường học thế kỉ 21. Tài liệu UNESCO.
6. Text book publishing. ABD Khalik Sulaiman. Dewan bahasa dan pustaka.
7. MTCF short courses English language. Institut perguruan bahasa antarabangsa Kuala Lumpur. 2010.

#### SUMMARY

*Government' goal is to focus on development education and to provide an equal education, excellence and international stature for individuals of all ethnic groups and languages of the country; to create conditions for all individuals can become the human, who have knowledge, create to serve the needs of nationalism, nation and world. This has many decisions to the achievement of general education development stage of Malaysia today. From the outstanding achievements in the development of Malaysia's general education, we draw lessons for the development of general education in Vietnam in the coming period.*

## Tìm hiểu cấu trúc...

(Tiếp theo trang 36)

sự thất thế của nhà nho và nền Hán học trong xã hội phong kiến Việt Nam cuối thế kỉ XIX.

Và, phải chăng, người bạn đến chơi mà không đúng lúc kia cũng giống như ông, «sinh bất phùng thời» nên trái khoáy, lạc lõng?

Các tác giả cuốn Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam đã cho rằng, đó là ý thức về sự bất lực, sự vô nghĩa của cá nhân trong thời cuộc của Nguyễn Khuyến.

Có thể nói, cấu trúc ngôn ngữ dạng có mà không đã góp phần thể hiện tận cùng bi kịch cuộc đời của cá nhân Nguyễn Khuyến cũng như của tầng lớp nho sĩ thời đại ông, tạo nên nỗi đau vong quốc thấm đượm trong mỗi áng thơ văn.

Như vậy, tiếp cận cấu trúc ngôn ngữ văn bản là phương thức tiếp cận chính thể. Phương thức tiếp cận này giúp người đọc đi đến mục tiêu là nắm bắt cái được biểu đạt, nắm bắt cái cốt lõi, tức chủ đề tư tưởng cùng phương thức hay thủ pháp nghệ thuật tạo dựng nên chủ đề ấy, từ đó rút ra được ý nghĩa cơ bản của tác phẩm văn học; đồng thời tìm hiểu được lối tư duy sáng tạo nghệ thuật thông nhất của người nghệ sĩ trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của mình. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Chú - Nguyễn Đăng Mạnh - Hoàng Tiến Tựu - Văn Thanh - Nguyễn Trí - Đào Ngọc. Văn học tập 1 (Giáo trình chính thức đào tạo giáo viên ưu học). NXB Giáo dục, H. 1996.
2. Trần Ngọc Hương. Luận đề về Nguyễn Khuyến. NXB Thanh niên, H. 1999.
3. Triệu Nguyễn. Bình giải thơ từ góc độ cấu trúc ngôn ngữ. NXB Giáo dục, H. 2006.
4. Nguyễn Huy Quát. Để hiểu thêm Đỗ Chiểu, Yên Đổ, Tú Xương. NXB Thanh niên, H. 2001.
5. Nguyễn Hữu Sơn - Trần Đình Sử - Huyền Giang - Trần Ngọc Vương - Trần Nho Thìn - Đoàn Thị Thu Vân. Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam. NXB Giáo dục, H. 1998.

#### SUMMARY

*In the literature fact there appear many different types of linguistic structure, abundance, diversity, especially with the works of poetry. The article learns structure of art language in Nguyen Khuyen poetry writer, in the structure type of "yes but no", giving a vision on Nguyễn Khuyến's poems and literature works.*